

Bản án số: 628/2026/HS-ST

Ngày: 07-9-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức

Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Điền;

Ông Trần Hữu Phước;

Ông Thái Kiến Thuận.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Hương Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở B) tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 730/2026/TLST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4163/2026/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Trần Khôi N, sinh ngày 17/7/1978, tại tỉnh Bình Thuận (nay là tỉnh Lâm Đồng); Căn cước công dân số: 079078031279; nơi thường trú: Số D, đường T, khu phố A, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi ở trước khi bị bắt: Số nhà C, khu phố C, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Khôi V (đã chết) và bà Dương Thị L, sinh năm 1950; bị cáo có vợ tên Đinh Thị Thanh H, sinh năm 1978 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 1998; tiền sự: không; tiền án:

Ngày 29/7/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại Bản án số 55/2016/HSST.

Ngày 05/8/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 03 (ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại Bản án số 74/2022/HS-ST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2024.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 15/12/2024 cho đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Trại giam S2 - Công an Thành phố H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Mai Đức T, sinh ngày 01/6/1997 tại tỉnh Bình Phước (nay là Thành phố Đ); Căn cước công dân số: 070097007237; nơi thường trú: Thôn L, xã B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Đức P, sinh năm 1960 và bà Dương Thị T1, sinh năm 1965; bị cáo có vợ tên Phạm Thị Ngọc Á, sinh năm 2000 và có 01 con sinh năm 2018; tiền án: ngày 19/9/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Đồng Nai) xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” tại Bản án số 55/2019/HS-ST, chấp hành xong án phí ngày 25/11/2022, chấp hành xong án phạt tù ngày 28/4/2023; tiền sự: không; nhân thân: ngày 23/7/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13, tỉnh Đồng Nai) xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo, 30 tháng thử thách về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 81/2015/HSST. Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 17/01/2026 cho đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Trại giam S2 - Công an Thành phố H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Thị Cẩm T2, sinh ngày 23/5/1997, tại tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); Căn cước công dân số: 074197002789; nơi thường trú: Khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Tấn Đ, sinh năm 1975 và bà Trần Thị Thu T3, sinh năm 1980; bị cáo có chồng tên Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1992 và có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 16/12/2024 cho đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Trại giam S2 - Công an Thành phố H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Trần Đăng K (tên gọi khác: Bò S), sinh ngày 07/7/1995, tại tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); Căn cước công dân số: 074095002935; nơi thường trú: Số A đường L, khu phố P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N1, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1959; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân:

Ngày 28/4/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án 89/2014/HSST.

Ngày 20/01/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án 24/2017/HSST. Chấp hành xong án phạt tù và chấp hành xong án phí hình sự, dân sự sơ thẩm ngày 03/12/2018.

Ngày 26/11/2019, bị Tòa án nhân dân Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án 260/2019/HS-ST, chấp hành xong án phí ngày 26/11/2021, chấp hành xong án phạt tù ngày 27/01/2022.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 23/02/2026 cho đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Trại giam S2 - Công an Thành phố H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Vương Hoàng V1, sinh ngày 24/5/1997 tại tỉnh Bình Dương; Căn cước công dân số: 074097006658; nơi thường trú: Số A, đường T, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: Nhà không số, đường số A, ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương Văn B, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1969; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân:

Ngày 23/6/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 01 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại Bản án số 129/2017/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/01/2018;

Ngày 19/11/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại Bản án số 189/2019/HS-ST. Chấp hành xong hình phạt tù tháng 01/2022.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 16/12/2024 cho đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Trại giam S2 - Công an Thành phố H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Lê D1, sinh ngày 23/8/1994, tại tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); Căn cước công dân: 074094005361; nơi thường trú: Số A đường C, Tổ C, Khu phố E, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi ở: Số nhà A, thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Q, tỉnh Thanh Hóa); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu X (đã chết) và bà Lê Thị L2, sinh năm 1964; bị cáo có vợ tên Đỗ Thị K1, sinh năm 1992 và có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 17/01/2025 cho đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Trại giam S2 - Công an Thành phố H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Phạm Kim C, sinh ngày 16/8/1993, tại tỉnh Bạc Liêu (nay là tỉnh Cà Mau); Căn cước công dân số: 095193002289; nơi thường trú: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã N, tỉnh Cà Mau); nơi ở trước khi bị bắt: Nhà không số, khu phố X, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Minh T4 (đã chết) và bà Lý Thị T5, sinh năm 1960; bị cáo chưa có chồng, có 01 con sinh

năm 2014; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 15/12/2024 cho đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Trại giam S2 - Công an Thành phố H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Thị Kim N2, sinh ngày 01/10/1991 tại tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); nơi thường trú: Khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh H2 (đã chết) và bà Phạm Thị Hồng T6, sinh năm 1969; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 27/3/2024 cho đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Trại giam S2 - Công an Thành phố H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Phùng Xuân C1, sinh ngày 18/10/2003, tại tỉnh Đắk Lắk; căn cước công dân số: 066203011959; nơi thường trú: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk); nơi ở trước khi bị bắt: Nhà không số, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Xuân Đ1 (đã chết) và bà Đỗ Thị T7, sinh năm 1973; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 16/12/2024 cho đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Trại giam S2 - Công an Thành phố H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Khôi N*: Ông Phan Văn T8, là Luật sư Công ty L5 - Chi nhánh số 2 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Mai Đức T*: Ông Nguyễn Hoàng M và ông Nguyễn Thanh T9, là Luật sư Văn phòng L6 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Có mặt.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Trần Đăng K*: Bà Trần Thị T10, là Luật sư Văn phòng Luật sư Hoàng Tân V2 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Có đơn xin vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê D1*: Ông Trần Tuấn K2, là Luật sư Công ty L7 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Cẩm T2*: Bà Nguyễn Thị Q, là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Có đơn xin vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vương Hoàng V1*: Bà Đỗ Thị Xuân H3, là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Ông Trương Hữu P1, sinh năm 1991; nơi cư trú: khu phố A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2. Ông Hoàng Văn T11, sinh năm 1996; nơi cư trú: Khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

3. Bà Trần Thị Thùy T12, sinh năm 2001; nơi cư trú: hẻm B, đường N, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

4. Công ty TNHH T19; địa chỉ: Đường D, khu phố Đ, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Quang V3, sinh năm 1989; chức vụ: Giám đốc. Nơi cư trú: khu phố Đ, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

5. Ông Trần Minh T13, sinh năm 1990; nơi cư trú: tổ D, ấp C, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

(1) Lúc 22 giờ 45 phút ngày 15/12/2024, tại đoạn đường H, Khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B kiểm tra xe ô tô biển số 61K-473.93 do Trần Khôi N điều khiển chở Phạm Kim C, đã phát hiện lập biên bản bắt quả tang N về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích mua bán, thu giữ: 3,2039 gam Methamphetamine; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 xe ô tô màu trắng, hiệu Xpander, biển số 61K-473.93; 01 điện thoại di động màu xanh đen, hiệu S3; imei1: 354035904974514, gắn sim số 0985854228; 01 điện thoại di động màu xanh đen, hiệu S3 Galaxy M15 5G; imei1: 351637481237398, gắn sim số 0976246449; 01 máy tính bảng màu đen, hiệu S3; imei: 351506554333550, gắn sim số 0983319510 và 1.500.000 đồng.

(2) Khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Khôi N tại nhà số C, khu phố C, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương phát hiện thu giữ: 44 ống thủy tinh trắng, dài khoảng 20cm, đường kính ống khoảng 0,5cm; khám xét nhà không số, đường S, phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương là nơi ở của Trần Khôi N, Mai Đức T, thu giữ 652,956 gam Methamphetamine; 01 nồi cơm điện hiệu hommy; 01 cân điện tử màu trắng, đen không rõ nhãn hiệu; 20 túi nylon miệng kéo dính bên trong không chứa gì; 01 hộp màu đen, dạng vali, có ghi chữ OKAY.II; 01 hộp bằng sắt màu hồng ghi chữ hello Kitty; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy Methamphetamine; 02 kéo bằng kim loại; 02 hộp quẹt ga; 01 balo màu đen ghi chữ Honda; 01 hộp phấn trang điểm màu bạc không có nhãn hiệu; 01 giấy chứng chỉ đào tạo tên Phạm Kim C số 985860 (bản chính); 01 sổ bảo hiểm xã hội tên Phạm Kim C số 7412133810. Trần Khôi N khai nhận đã bán ma túy cho nhiều người, trong đó có Trần Thị Cẩm T2 và Vương Hoàng V1.

(3) Khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Kim C tại căn nhà không số, khu phố X, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương phát hiện thu giữ: 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

(4) Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Thị Cẩm T2 và Vương Hoàng V1 tại nhà không số, ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Quá trình khám xét phát hiện, thu giữ 102,7944gam

Methamphetamine, ngoài ra còn thu giữ những đồ vật, tài liệu sau: 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 (một) cân tiểu ly màu đen; 01 (một) giỏ đựng có quai xách bằng giấy; 01 bóp bằng vải màu xanh dương.

(5) Khám xét xe ô tô, hiệu Honda City, màu trắng, biển số 61K-019.80 do Trần Thị Cẩm T2 và Vương Hoàng V1 sử dụng phát hiện thu giữ 12,7408gam Methamphetamine. Thời điểm khám xét bên trong căn nhà ngoài T2 và V1 ra còn có Phùng Xuân C1. Chính khai nhận có phụ giúp T2, V1 đi bán ma túy Methamphetamine cho các đối tượng nghiện. T2, V1, C1 bán ma túy cho nhiều người, trong đó bán cho Nguyễn Thị Kim N2 nhiều lần. Ngoài mua ma túy của Trần Khôi N, T2, V1 còn mua của Lê Duy .

(6) Cơ quan Cảnh sát điều tra khám xét khẩn cấp nhà số A, đường L, Khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương là nơi ở của Lê D1, Trần Đăng K. Tại thời điểm khám xét, Lê D1 không có mặt tại nơi ở, thu giữ: 01 túi vải màu đen có khóa kéo màu đỏ, in dòng chữ MARVEL bên trong chứa: 01 túi nylon miệng kéo dính bên trong chứa 36 viên nén ma túy loại MDMA màu xám, hình vuông có khối lượng 13,3937 gam; 01 gói nylon hàn kín bên trong chứa chất ma túy loại Ketamine, khối lượng 1,0870 gam; 01 điện thoại di động màu đen, hiệu SAMSUNG; 01 kéo bằng kim loại; 01 ống nhựa hình trụ dài khoảng 20cm, được vát nhọn một đầu; 20 túi nylon miệng kéo dính bên trong không chứa gì.

(7) Khoảng 22 giờ ngày 27/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra và Công an phường T, Công an thành phố B, tỉnh Bình Dương kiểm tra hành chính phòng số 5.4.11, khu nhà ở xã H, Khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Thời điểm kiểm tra có Nguyễn Thị Kim N2, Trương Hữu P1 và Hoàng Văn Trung thu G 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy. Khám xét khẩn cấp phòng số 5.4.11 thu giữ 01 túi da màu đen bên trong có 03 gói nylon hàn kín chứa tinh thể màu trắng là Methamphetamine, khối lượng 0,9548gam; 01 túi nylon miệng kéo dính chứa chất tinh thể màu trắng là Methamphetamine, khối lượng 1,1542gam của N2 mua về để bán lại kiếm lời. Số ma túy này do N2 mua của Trần Thị Cẩm T2 về chia nhỏ bán lại.

1. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Trần Khôi N và Phạm Kim C và Mai Đức T; hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy do Trần Khôi N và Phạm Kim C thực hiện:

Trần Khôi N và Phạm Kim C có quan hệ tình cảm, cả hai đều sử dụng trái phép chất ma túy. Mai Đức T và N cùng mua bán Methamphetamine kiếm lời, T thuê nhà không số, đường S, phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương để ở và cất giấu ma túy để bán. Nguồn ma túy là của T. Người mua ma túy liên lạc với N qua số điện thoại 0976246449 và 0983319510 hoặc qua mạng xã hội Zalo tên “Khôi Nam” đăng ký bằng số điện thoại 0976246449 và hẹn địa điểm giao dịch, N giao ma túy trực tiếp nhận tiền qua tài khoản Ngân hàng số 050127015586 và số tài khoản 050156611368 mở tại Ngân hàng S4 của N hoặc chuyển tiền qua số tài khoản 111116666789 mở tại Ngân hàng T20 của Mai Đức T.

N, T bán Methamphetamine cho nhiều người, trong đó bán Trần Thị Cẩm

T2 và Vương Hoàng V1 nhiều lần bán, xác định 02 lần cụ thể:

Ngày 12/12/2024, bán cho T2 02 lần, lần thứ nhất 200 gam ma túy loại Methamphetamine với giá 26.000.000 đồng/100 gam. T2 đã trả tiền và nhận tin qua Z xác nhận. Lần thứ hai bán cho T2 100 gam Methamphetamine, giá như trên. Lần này N giao ma túy cho T2 vào tối cùng ngày, T2 đã chuyển khoản trả 02 lần, lần đầu 20.000.000 đồng, lần thứ hai chuyển 6.000.000 đồng.

Khoảng 12 giờ ngày 14/12/2024, T2 liên lạc với N đặt mua 100 gam ma túy loại Methamphetamine với giá 27.000.000 đồng, N đồng ý và mang ma túy đến nơi ở của T2 và V1 nêu trên để giao. Lần này do không còn đủ số lượng nên Nam giao cho T2 50 gam Methamphetamine và hẹn sẽ giao 50 gam còn lại. Thoa chuyển khoản qua ngân hàng trả trước cho N 20.000.000 đồng, hẹn khi nào nhận đủ ma túy sẽ trả đủ tiền.

Khi V1 và T2 mua ma túy thì T2 dùng tài khoản zalo tên “Kẻ Vô Danh” đăng ký số điện thoại 0375623823 liên lạc với N tài khoản “Khôi Nam” đăng ký số điện thoại 0976246449 thỏa thuận mua bán, sau đó N sẽ mang ma túy đến nơi ở của T2, V1 tại nhà không số, ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương giao hoặc T2 và V1 cũng có lần đến nơi ở của N và T nhận ma túy.

Ngoài bán ma túy cho T2 và Vũ ra, N và C còn bán ma túy cho 01 nam thanh niên tên L3 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) 01 lần vào ngày 15/12/2024, cụ thể: khoảng 20 giờ ngày 15/12/2024, N điều khiển xe ô tô biển số 61K-473.93 chở Phạm Kim C đến khu vực ngã ba B (thuộc huyện B) để bán ma túy cho một người tên L3. Đến nơi, N đưa cho C 01 gói ma túy để C chia ra 25 số (khoảng 2,5gam) Methamphetamine rồi C mở kiếng xe giao cho L3 và nhận 1.500.000 đồng, số ma túy còn dư C cất vào túi xách để bán lại.

Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy do Trần Khôi N và Phạm Kim C thực hiện:

Trần Khôi N và Phạm Kim C sử dụng ma túy chung với nhau nhiều lần (khoảng 06 lần), trong đó có 02 lần ở trên xe ô tô và nhiều lần ở căn nhà không số, khu phố X, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Ma túy là do Trần Khôi N cung cấp, bộ dụng cụ sử dụng ma túy là do Phạm Kim C chuẩn bị để cả hai cùng sử dụng ma túy với nhau nhiều lần bằng cách đốt hút ma túy vào cơ thể. Lần gần nhất N và C sử dụng ma túy chung vào khoảng 23 giờ ngày 12/12/2024 tại Nhà nghỉ T21 thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy do Trần Đăng K và Lê Duy thực H4:

Lê D1 sử dụng trái phép chất ma túy và hoạt động mua bán trái phép chất ma túy cùng với Trần Đăng K. Ngày 11/11/2024, D1 ký hợp đồng thuê căn nhà số A, đường L, khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương để ở và cất giấu ma túy bán cho người khác. K là người mua ma túy về đưa cho D1 cất giấu tại nhà, khi có người mua ma túy thì liên lạc với K hoặc liên lạc với D1, nếu người mua ma túy liên lạc với K thì K sẽ liên lạc với D1 để D1 lấy ma túy đi giao, nếu

người mua liên lạc trực tiếp với D1 thì D1 báo cho K biết và lấy ma túy đi giao, người mua trả tiền bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản ngân hàng. Hàng ngày, D1, K tổng kết số tiền bán ma túy, tiền gốc Khoa giữ để làm vốn, tiền lời sẽ chia nhau tiêu xài.

Với cách thức trên, D1 và K đã bán ma túy cho nhiều người trong đó có Trần Thị Cẩm T2 và Vương Hoàng V1 từ khoảng tháng 7/2024 đến ngày 15/12/2024 nhiều lần, trong đó xác định 02 lần gần nhất như sau:

+ Ngày 13/12/2024, D1 bán cho V1 và T2 100 gam ma túy, loại Methamphetamine, với giá 26.000.000 đồng, D1 trực tiếp đến nhà nơi V1 và T2 ở giao ma túy cho V1 và T2;

+ Ngày 15/12/2024, T2 điện thoại cho D1 đặt mua 100 gam ma túy, loại Methamphetamine với giá 26.000.000 đồng, D1 đồng ý và trực tiếp mang ma túy giao cho T2 và V1 tại nơi ở. Khoảng 19 giờ cùng ngày, D1 giao cho T2 01 túi nylon miệng kéo dính chứa ma túy Methamphetamine. Sau khi mua được ma túy từ D1, V1 phân chia thành nhiều gói nhỏ để V1 và Phùng Xuân C1 bán cho các đối tượng nghiện không rõ lai lịch trên địa bàn thành phố B, huyện B thuộc tỉnh Bình Dương, số còn lại đã bị thu giữ khi khám xét.

3. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Trần Thị Cẩm T2, Vương Hoàng V1 và Phùng Xuân C1; và hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy do Trần Thị Cẩm T2, Vương Hoàng V1 thực hiện:

Trần Thị Cẩm T2 và Vương Hoàng V1 sống chung như vợ chồng tại căn nhà thuê không số, ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương từ tháng 6/2024. T2 và V1 nghiện ma túy và hoạt động mua bán ma túy để kiếm lời từ khoảng tháng 6/2024 đến ngày bị bắt. Phùng Xuân C1 tham gia phụ giúp giao ma túy cho T2, V1 và được trả công từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng và cho sử dụng ma túy.

T2 và V1 mua ma túy của Trần Khôi N và Lê Duy N3 nêu đã nêu ở phần trên, cất giấu tại nhà không số nêu trên rồi phân chia thành các gói nhỏ để bán cho người mua. Người mua liên lạc với V1 hoặc T2 qua mạng xã hội Zalo tài khoản của T2 tên “Kẻ Vô Danh” đăng ký bằng số điện thoại 0375623823, sau đó V1 sẽ đi giao hoặc T2 sẽ liên lạc nói Phùng Xuân C1 đến nhà nhận ma túy và đi giao cho người mua. Chính đi giao ma túy còn T2 bán ma túy với số lượng bao nhiêu và cất giấu ma túy ở chỗ nào C1 không biết, tiền mua ma túy người mua sẽ chuyển khoản cho T2 hoặc V1. Với cách thức trên V1, T2, C1 đã bán ma túy cho nhiều người không rõ nhân thân, lai lịch.

Trung bình mỗi ngày T2 và V1 giao cho C1 đi bán ma túy khoảng 2-3 lần. Ngày 15/12/2024, C1 giao ma túy cho 02 người không rõ lai lịch, trong đó có một người phụ nữ ở phường T, thành phố T và một người đàn ông ở khu vực cây xăng K5, thành phố T.

Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của Vương Hoàng V1, Trần Thị Cẩm T2 thực hiện.

Ngoài việc bán ma túy, Vương Hoàng V1, Trần Thị Cẩm T2 sử dụng ma

túy tại nơi ở, V1 và T2 chuẩn bị sẵn bộ dụng cụ sử dụng ma túy để V1, T2 và C1 cùng nhau sử dụng ma túy Methamphetamine bằng cách đốt hút ma túy vào cơ thể. Nguồn ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy là T2 và V1 cung cấp, C1 là người thụ hưởng không phải trả tiền lại cho T2 và V1.

4. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy do Nguyễn Thị Kim N2 thực hiện:

Nguyễn Thị Kim N2, Trương Hữu P1 và Hoàng Văn T11 là bạn bè quen biết và đều sử dụng trái phép chất ma túy.

Sáng ngày 18/3/2024, N2 liên lạc với T2 và hỏi mua 1.700.000 đồng ma túy Methamphetamine thì T2 đồng ý rồi hẹn N2 đến khu vực đường M - T, thuộc phường C, thành phố B để lấy. Nguyên gặp T2 nhận 01 túi nylon chứa Methamphetamine cất giấu để bán lại và sử dụng. Khoảng 17 giờ ngày 18/3/2024, N2 bán cho T11 01 gói ma túy loại Methamphetamine giá 200.000 đồng tại khu vực trước chung cư B, thuộc khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Nguyên đã bán ma túy cho nhiều người nhưng không nhớ rõ nhân thân, thời gian và số lượng, số tiền cụ thể.

Phòng số 5.4.11, khu nhà ở xã hội B, thuộc khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương là do bạn của N2 tên K3 (không rõ lai lịch) thuê ở. Khoảng đầu tháng 3/2024, K3 về quê nên để phòng lại cho N2 ở. Khoảng 19 giờ ngày 25/3/2024, T11 điện thoại rủ P1 đến phòng số 5.4.11 chơi thì P1 đồng ý. Khi P1 đến thì thấy N2, T11 và H5 (không rõ lai lịch) là bạn của N2. Lúc này, N2 điện thoại cho T2 hỏi mua 300.000 đồng Methamphetamine thì T2 đồng ý và hẹn đến địa điểm bán trước đó để lấy ma túy. N2 nhận ma túy đem về đổ vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy của N2 rồi sử dụng cùng với T11, P1 và H5 bằng cách đốt, hút ma túy vào cơ thể.

Đến khoảng 18 giờ ngày 26/3/2024, N2 tiếp tục điện thoại cho T2 hỏi mua 1.200.000 đồng Methamphetamine bán lại thì T2 đồng ý và hẹn bán ma túy tại vị trí cũ. N2 đi đến điểm hẹn gặp T2. Tại đây, N2 chuyển khoản 1.800.000 đồng cho T2 (trong đó gồm 1.200.000 đồng tiền mua ma túy và 300.000 đồng Nguyên trả nợ lần mua ma túy trước đó còn thiếu, còn 300.000 đồng Nguyên cho T2). Thoa giao cho N2 01 túi nylon miệng kéo dính Methamphetamine, N2 đem về chia thành 04 gói nhỏ để bán. Sau đó, P1 và T11 đến chơi, khoảng 22 giờ cùng ngày, lực lượng Công an đến kiểm tra thu giữ số ma túy trên.

Ngoài những lần bán ma túy trên, T2 còn bán Methamphetamine cho N2 14 lần vào các ngày 18, 19, 20, 21, 22, 23, 25 và 26/3/2024, số tiền từ 500.000 đồng đến 6.200.000 đồng, Tổng số tiền 37.300.000 đồng như 7ngf Nguyên không nhớ rõ khối lượng từng lần. Nguyên đã bán ma túy cho nhiều người nhưng không nhớ rõ thời gian và số lượng, số tiền cụ thể.

Kết luận giám định:

- Đối với chất nghi vấn là ma túy thu giữ của Trần Khôi N trong quá trình bắt người phạm tội quả tang: Kết luận giám định số 23/KL-KTHS ngày

24/12/2024 của Phòng K6 Công an tỉnh B kết luận: Tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 3,2039 gam

- Đối với chất nghi vấn là ma túy thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Khôi N tại nhà không số, đường S, phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương: Kết luận giám định số 23/KL-KTHS ngày 24/12/2024 của Phòng K6 Công an tỉnh B kết luận: Tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng: 646,24 gam (M1); 2,5553 gam (M2-1); 0,2697 gam (M2-2); 3,8910 gam (M3).

- Đối với chất nghi vấn là ma túy thu giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của Trần Thị Cẩm T2: Kết luận giám định số 25/KL-KTHS ngày 24/12/2024 của Phòng K6 Công an tỉnh B kết luận: Tinh thể gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng: 87,9050 gam (M1); 9,9329 gam (M2-1); 4,9565 gam (M2-2), 12,7408 gam (M3).

- Đối với chất nghi vấn là ma túy thu giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của L: Kết luận giám định số 370/KL-KTHS ngày 13/01/2025 kết luận: Nhiều viên nén màu xám gửi giám định là ma túy, loại MDMA, có khối lượng/trọng lượng: 13,3937 gam (M1); chất màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, có khối lượng 1,0870 gam (M2).

- Đối với ma chất nghi vấn thu giữ trong quá trình kiểm tra chỗ ở của Nguyễn Thị Kim N2: Kết luận giám định số 1650/KL-KTHS ngày 04/4/2024 của Phòng K6 Công an tỉnh B kết luận: Mẫu tinh thể là ma túy, có khối lượng lần lượt là: M1 = 0,9548 gam Methamphetamine; M2 = 1,1542 gam Methamphetamine.

Kết luận giám định số 426/KL-KTHS ngày 14/01/2025 đối với điện thoại thu giữ của Lê Duy .

Kết luận giám định số 372/KL-KTHS ngày 10/01/2025 và số 373/KL-KTHS ngày 17/01/2025 đối với dấu vết đường vân thu giữ trên điện thoại di động và các túi nylon thu giữ của Lê Duy .

Tại Cáo trạng số 126/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 10 tháng 6 năm 2026, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo, cụ thể:

Truy tố bị cáo Trần Khôi N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2025); tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Truy tố bị cáo Mai Đức T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2025).

Truy tố các bị cáo Lê D1 và Trần Đăng K về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017 và 2025).

Truy tố các bị cáo Vương Hoàng V1 và Trần Thị Cẩm T2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2025); tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Truy tố bị cáo Phạm Kim C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kim N2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Truy tố bị cáo Phùng Xuân C1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội có nội dung: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khẳng định cáo trạng truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Trong vụ án này, hành vi mua bán trái phép chất ma túy và Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đặc biệt nghiêm trọng. Các bị cáo đã cấu kết, móc nối với nhau thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần. Hành vi của các bị cáo thể hiện thái độ coi thường pháp luật, là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, gây mất trật tự, an toàn xã hội và ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe cộng đồng. Ma túy là hiểm họa của toàn xã hội, việc dung túng hoặc tiếp tay cho ma túy lan rộng là tiếp tay cho tội phạm, cho sự tha hóa đạo đức và sự suy thoái giống nòi. Do đó, cần phải xử lý nghiêm khắc các bị cáo để bảo đảm tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện thái độ kiên quyết của Nhà nước trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy.

Trong vụ án này, vì xem thường pháp luật, ý thức pháp luật kém, lười lao động nhưng muốn có tiền để giải quyết nhu cầu cá nhân, có ma túy để sử dụng, các bị cáo thực hiện việc Mua bán trái phép chất ma túy, Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Các bị cáo thực hiện hành vi tích cực, không suy xét, nghĩ là làm, không nghĩ đến ảnh hưởng xấu từ hành vi của bị cáo đến chính bản thân bị cáo, ảnh hưởng xấu đến gia đình và xã hội.

Về vai trò của các bị cáo:

Đối với bị cáo Trần Khôi N: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tích cực, với vai trò chính trong các lần thực hiện tội phạm cùng với bị cáo Mai Đức T14, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, là người trực tiếp thực hiện việc mua

bán ma túy (bán ma túy cho T2, V1, L3) để hưởng lợi. Khối lượng ma túy thu giữ của bị cáo và bị cáo T14 đặc biệt lớn. Ngoài hành vi mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo còn thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhiều lần với bị cáo Phạm Kim C nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Hành vi của bị cáo phạm tội với mức độ nguy hiểm là đặc biệt nghiêm trọng đối với xã hội. Mặc dù nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, gây nguy hại cho xã hội, nhưng bị cáo vẫn cố ý trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, nhằm thu lợi bất chính, thỏa mãn nhu cầu cá nhân.

Đối với Mai Đức T: Bị cáo cũng thực hiện hành vi phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy tích cực với vai trò chính cùng với bị cáo Trần Khôi N, thực hiện nhiều lần, khối lượng ma túy thu giữ của bị cáo và Trần Khôi N đặc biệt lớn. Hành vi phạm tội của bị cáo với mức độ nguy hiểm thuộc dạng rất nghiêm trọng đối với xã hội. Mặc dù nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, gây nguy hại cho xã hội, nhưng bị cáo vẫn cố ý trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội tiếp tay cho nhằm thu lợi bất chính.

Đối với Vương Hoàng V1, Trần Thị Cẩm T2: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nhiều lần với mức độ đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, khối lượng ma túy thu giữ của các bị cáo dùng vào mục đích bán là rất lớn. Ngoài việc mua bán trái phép chất ma túy, các bị cáo còn thực hiện hành vi “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cùng nhau và cho Phùng Xuân C1 sử dụng nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân nhiều lần. Hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án có mức độ nguy hiểm ngang nhau, đều thể hiện ý thức phạm tội cao, góp phần làm gia tăng tệ nạn ma túy trong cộng đồng. Cùng nhau mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần, tổ chức sử dụng nhiều lần, nhiều người.

Đối với Lê D1 và Trần Đăng K: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nhiều lần với mức độ đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, khối lượng ma túy thu giữ của các bị cáo dùng vào mục đích bán nhiều loại. Hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án có mức độ nguy hiểm ngang nhau, đều thể hiện ý thức phạm tội cao, góp phần làm gia tăng tệ nạn ma túy trong cộng đồng. Cùng nhau mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần.

Đối với Phạm Kim C: Bị cáo giữ vai giúp sức cho bị cáo Trần Khôi N bán ma túy 01 lần cho L3; ngoài ra còn thực hiện hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (cung cấp dụng cụ cùng với N sử dụng nhiều lần). Hành vi của bị cáo phạm tội với mức độ nguy hiểm là rất nghiêm trọng đối với xã hội. Mặc dù nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, gây nguy hại cho xã hội, nhưng bị cáo vẫn cố ý trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, thỏa mãn nhu cầu cá nhân.

Đối với Nguyễn Thị Kim N2: Bị cáo thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy một cách độc lập, nhiều lần, tích cực nhằm thu lợi bất chính; ngoài ra còn thực hiện hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (cung cấp ma túy, địa điểm, dụng cụ cùng với P1, T11 và H5 sử dụng). Hành vi của bị cáo phạm tội với mức độ nguy hiểm là rất nghiêm trọng đối với xã hội, ý thức phạm tội cao. Mặc dù nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, gây nguy hại cho xã

hội, nhưng bị cáo vẫn cố ý trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, thu lợi bất chính và thỏa mãn nhu cầu cá nhân.

Đối với Phùng Xuân C1: Bị cáo thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với vai trò giúp sức cho V1 và T2, nhiều lần, tích cực nhằm thu lợi bất chính được trả công bằng tiền và ma túy sử dụng. Hành vi của bị cáo phạm tội với mức độ nguy hiểm là rất nghiêm trọng đối với xã hội, ý thức phạm tội cao. Mặc dù nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, gây nguy hại cho xã hội, nhưng bị cáo vẫn cố ý trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, thu lợi bất chính và thỏa mãn nhu cầu cá nhân.

Tuy nhiên, đối với các bị cáo Trần Khôi N, Trần Thị Cẩm T2, Trần Đăng K, Lê D1, Vương Hoàng V1, Phạm Kim C, Nguyễn Thị Kim N2, Phùng Xuân C1 sau khi bị phát hiện, bị bắt, bị khởi tố, tạm giam để điều tra, các bị cáo đã chấp hành, thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật đối với những người biết ăn năn hối cải, từ đó nỗ lực cải tạo để sớm được hoà nhập với cuộc sống cộng đồng.

Riêng bị cáo Mai Đức T quá trình bị bắt, bị điều tra, truy tố đến nay, bị cáo vẫn quanh co chối tội. Tuy nhiên, căn cứ các tài liệu: lời khai của các bị cáo Trần Khôi N, Vương Hoàng V1, Trần Thị Cẩm T2 phù hợp với nhau xác định hành vi phạm tội của Mai Đức T; biên bản nhân dạng Trần Khôi N, Vương Hoàng V1, Trần Thị Cẩm T2 nhận dạng được Mai Đức T; biên bản xác định hiện trường (chỉ điểm) Mai Đức T bán ma túy cho T2, V1; kết quả trích dữ liệu tài khoản ngân hàng của các bị cáo Trần Thị Cẩm T2, Mai Đức T, Trần Khôi N nhiều lần chuyển khoản qua lại với nhau, đã đủ căn cứ buộc tội đối với bị cáo.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025), xử phạt bị cáo Trần Khôi N 20 năm tù; phạt bổ sung 20.000.000 đến 30.000.000 đồng về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; 08-09 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 28 năm đến 29 năm tù; phạt bổ sung: 20.000.000 đến 30.000.000 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm g, h khoản 2 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025), xử phạt bị cáo Mai Đức T 20 năm tù; xử phạt bổ sung bị cáo T từ 20 đến 30 triệu đồng về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025), xử phạt các bị cáo Lê D1 và Trần Đăng K mỗi bị cáo 20 năm tù; xử phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 10 đến 20 triệu đồng về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025), xử phạt các bị cáo Vương Hoàng V1 20 năm tù, xử phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 20 triệu đồng về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; 07-08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 27 đến 28 năm tù; xử phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 20 triệu đồng.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Cẩm T2 mức hình phạt 20 năm tù, xử phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 20 triệu đồng về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; 07-08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 27 đến 28 năm tù; xử phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 20 triệu đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025), xử phạt bị cáo Phạm Kim C mức hình phạt từ 02 năm đến 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, 07 năm đến 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 09 năm đến 11 năm tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025), xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim N2 mức hình phạt 07 năm đến 08 năm tù, xử phạt bổ sung bị cáo từ 10 triệu đến 20 triệu đồng về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; 07 năm đến 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 14 năm đến 16 năm tù. Xử phạt bổ sung bị cáo từ 10 triệu đến 20 triệu đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025), xử phạt bị cáo Phùng Xuân C1 mức hình phạt từ 07 năm đến 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Xử phạt bổ sung bị cáo từ 05 triệu đến 10 triệu đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

* Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

- 01 (Một) Điện thoại di động màu xanh đen, hiệu S3; imei1: 354035904974514, gắn sim số 0985854228;

- 01 (Một) Điện thoại di động màu xanh đen, hiệu S3 Galaxy M15 5G; imei1: 351637481237398, gắn sim số 0976246449;

- 01 (Một) Máy tính bảng màu đen, hiệu S3; imei: 351506554333550, gắn

sim số 0983319510;

- 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng);
- 01 (Một) Điện thoại di động màu đen, hiệu S3 (không kiểm tra tình trạng bên trong).

* Tịch thu tiêu hủy:

Đối với Trần Khôi N, Phạm Kim C:

- Ma túy: 656,1599 gam Methamphetamine;
- 01 (Một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy Methamphetamine;
- 44 (Bốn mươi bốn) ống thủy tinh thẳng, dài khoảng 20cm, đường kính ống khoảng 0,5cm;

- 01 (Một) nồi cơm điện hiệu hommy;
- 01 (Một) cân điện tử màu trắng, đen không rõ nhãn hiệu;
- 20 (Hai mươi) túi nilon miệng kéo dính bên trong không chứa gì;
- 01 (Một) hộp màu đen, dạng vali, có ghi chữ OKAY.II;
- 01 (Một) hộp bằng sắt màu hồng ghi chữ hello Kitty;
- 01 (Một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy Methamphetamine;
- 02 (Hai) kéo bằng kim loại;
- 02 (Hai) hộp quẹt ga;
- 01 (Một) balo màu đen ghi chữ Honda;
- 01 (Một) hộp phấn trang điểm màu bạc không có nhãn hiệu;

Đối với Vương Hoàng V1, Trần Thị Cẩm T2, Phùng Xuân C1:

- Ma túy: 115,5352gam Methamphetamine;
- 01 (Một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy Methamphetamine;
- 01 (Một) cân tiểu ly màu đen;
- 01 (Một) giỏ đựng có quai xách bằng giấy;
- 01 (Một) bóp bằng vải màu xanh dương.

Đối với Lê Duy :

- Ma túy: 13,3937 gam MDMA, 1,0870 gam Ketamine;
- 01 (Một) Kéo bằng kim loại.
- 01 (Một) Ống nhựa hình trụ dài khoảng 20cm, được vát nhọn một đầu.
- 20 (Hai mươi) túi nilon miệng kéo dính bên trong không chứa gì.

Đối với Nguyễn Thị Kim N2:

- 01 (Một) Bì thư số 1650/PC09 của Phòng K6 Công an tỉnh B bên trong

có chứa khối lượng ma túy còn lại sau giám định.

* Trả lại cho bị cáo Phạm Kim C:

- 01 (Một) Giấy chứng chỉ đào tạo tên Phạm Kim C số 985860 (bản chính);
- 01 (Một) Sổ bảo hiểm xã hội tên Phạm Kim C số 7412133810.

* *Luật sư Phan Văn T8 trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo Trần Khôi N với nội dung:* Về tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo, người bào chữa không có ý kiến. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh của bị cáo có mẹ già neo đơn không có người chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo mức hình phạt thấp nhất.

* *Luật sư Nguyễn Hoàng M trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo Mai Đức T, nội dung:* Viện kiểm sát truy tố bị cáo Mai Đức T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là hoàn toàn chưa có căn cứ, vì: Bị cáo N và bị cáo T chưa xác định được mua ma túy từ đâu; căn nhà không số Đ, phường C là do bị cáo T thuê cho bị cáo N sử dụng, không có cơ sở xác định ma túy thu giữ trong căn nhà này là của bị cáo T; cơ quan điều tra, Viện kiểm sát căn cứ vào lời khai của các bị cáo N, T2, V1 để buộc tội bị cáo T là chưa phù hợp; việc giao dịch mua bán ma túy như thế nào cũng chỉ có một mình bị cáo T2 khai, như vậy cơ sở cho rằng bị cáo T mua bán ma túy cho bị cáo T2 chỉ dựa trên lời khai của T2. Việc mua bán chuyển tiền qua tài khoản của T cũng đã được làm rõ tại phiên tòa, tại phiên tòa, bị cáo N thừa nhận có vay tiền của T, chuyển trả tiền cho T và nhờ T2 chuyển tiền trả cho T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Mặt khác, người bào chữa đã được cấp giấy chứng nhận bào chữa nhưng không nhận được kết luận điều tra, cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Ngoài ra, người bào chữa có nộp thủ tục bào chữa và được cấp giấy chứng nhận bào chữa cho bị cáo T từ giai đoạn đầu nhưng Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành hỏi cung bị cáo không có sự tham gia của người bào chữa, đến khi hồ sơ chuyển qua Tòa thụ lý thì mới thực hiện bổ sung thủ tục này; người bào chữa cũng không nhận được quyết định kết luận điều tra, cáo trạng truy tố đối với bị cáo theo quy định mà đến khi hồ sơ đã chuyển qua Tòa thì mới được sao chụp các tài liệu này tại Tòa án.

* *Bị cáo Mai Đức T tranh luận:* đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tội danh đối với bị cáo.

* *Luật sư Trần Tuấn K2 trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo Lê D1 với nội dung:* đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, đánh giá đúng vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo Lê D1, vì: thời điểm phạm tội do bị cáo D1 mới vừa bị thất nghiệp, trong khi áp lực về kinh tế đang đè nặng lên vai vì bị cáo là lao động chính trong gia đình, phải nuôi mẹ già, vợ mới sinh và 02 con nhỏ; bị cáo D1 nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, luôn có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo D1 không phải là người chủ mưu, tổ chức, điều hành việc mua bán ma túy mà D1 có

vai trò thứ yếu trong vụ án này, bị cáo không mua ma túy về để bán lại, bị cáo D1 không trực tiếp quyết định việc bán ma túy mà D1 chỉ đi giao ma túy khi được bị cáo Trần Đăng K yêu cầu hoặc đồng ý; bị cáo D1 có hưởng lợi trong việc chia tiền sau khi bán được ma túy nhưng do bị cáo K tự chia cho D1 chứ bị cáo D1 không có thỏa thuận về việc chia tiền. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; gia đình có hoàn cảnh khó khăn; là lao động chính trong gia đình nuôi mẹ già và 02 con còn quá nhỏ (hiện nay bé lớn 08 tuổi, bé nhỏ 05 tuổi); bị cáo đã tham gia nghĩa vụ quân sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo Lê D1 để tuyên xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất có thể theo quy định của pháp luật, giúp bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, sớm trở với gia đình để lo cho mẹ già, 02 con nhỏ và trở thành công dân có ích cho xã hội.

** Luật sư Đỗ Thị Xuân H3 trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo Vương Hoàng V1, nội dung:* Thống nhất tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo với 02 tội là quá nặng. Bị cáo tham gia với vai trò thứ yếu, bị cáo có mẹ hiện đang bị bệnh nặng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất.

** Luật sư Nguyễn Thị T15 có đơn xin vắng mặt kèm theo luận cứ bào chữa cho bị cáo Trần Đăng K, nội dung:* Về hình phạt đối với bị cáo, người bào chữa không tranh luận. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của bị cáo là vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến xã hội nên thực sự hối hận về sai lầm đã gây ra. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt khoan hồng, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra.

** Luật sư Nguyễn Thị Q có đơn xin vắng mặt kèm theo luận cứ bào chữa cho bị cáo Trần Thị Cẩm T2 với nội dung:* Thứ nhất, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đúng quy định có lợi của Luật số 86/2025/QH15 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” đối với bị cáo T2. Xác định chính xác khối lượng, hành vi và phạm vi đồng phạm của bị cáo T2; không cộng trùng vật chứng, không quy trách nhiệm về hành vi nằm ngoài ý chí chung hoặc chưa được chứng minh.

Thứ hai, đối với tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, chỉ áp dụng các điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự khi có đủ căn cứ, nếu chỉ chứng minh được hành vi thuộc khoản 1 thì đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự, không tính lại tình tiết định khung thành tình tiết tăng nặng theo khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Thứ ba, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo không có tiền án, tiền sự; trình độ học vấn 6/12, không có nghề nghiệp; có hai con sinh năm 2018 và 2020, xử phạt 20 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 07 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng

trái phép chất ma túy”; tổng hợp của hai tội, xử phạt bị cáo T2 27 năm tù.

Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo vì bị cáo không có nghề nghiệp. Mặt khác, đề nghị khấu trừ đầy đủ thời gian tạm giữ, tạm giam của bị cáo đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt phù hợp để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, chấp hành tốt pháp luật và thực hiện trách nhiệm với gia đình sau khi chấp hành án.

Các bị cáo Trần Khôi N, Phạm Kim C và Phùng Xuân C1 không nói lời sau cùng.

Các bị cáo Trần Thị Cẩm T2, Vương Hoàng V1, Lê D1, Nguyễn Thị Kim N2 trình bày lời nói sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị cáo Mai Đức T trình bày lời nói sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tội danh đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Mai Đức T có ý kiến về hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, xét thấy: cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thực hiện việc hỏi cung bị cáo có sự tham gia của người bào chữa cho bị cáo; chuyển vật chứng; giao nhận kết luận điều tra, cáo trạng cho người bào chữa không đúng thời gian theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; mặc dù vấn đề này không ảnh hưởng đến bản chất, kết quả giải quyết vụ án. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan điều tra, Viện kiểm sát rút kinh nghiệm.

[2] Về áp dụng pháp luật: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 4 của Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự, xét thấy: Tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 4 Điều 251 của Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 có hình phạt nhẹ hơn tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025 để xét xử đối với các bị cáo

Trần Khôi N, Mai Đức T, Trần Đăng K, Lê D1, Trần Thị Cẩm T2, Vương Hoàng V1.

[3] Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Trần Đăng K và Trần Thị Cẩm T2 vắng mặt nhưng có gửi bài bào chữa cho các bị cáo, các bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, tuy nhiên, trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai của những người này và đã được công bố tại phiên tòa, sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 291, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của các bị cáo, người bào chữa và đề nghị của Viện kiểm sát, xét xử vắng mặt những người này.

[4] Về nội dung: tại phiên tòa, các bị cáo Trần Khôi N, Phạm Kim C, Trần Đăng K, Lê D1, Trần Thị Cẩm T2, Vương Hoàng V1, Phùng Xuân C1 và Nguyễn Thị Kim Nguyên K4 nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, các kết luận giám định, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Riêng bị cáo Mai Đức T không thừa nhận hành vi phạm tội, tuy nhiên, căn cứ lời khai của các bị cáo Trần Khôi N, Phạm Kim C, Trần Thị Cẩm T2, Vương Hoàng V1, các biên bản đối chất, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”, “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” do các bị cáo Trần Khôi N, Phạm Kim C, Mai Đức T, Trần Đăng K, Lê D1, Trần Thị Cẩm T2, Vương Hoàng V1, Phùng Xuân C1 và Nguyễn Thị Kim N2 thực hiện, cụ thể:

[4.1] Bị cáo Trần Khôi N và Mai Đức T đã bán ma túy, loại Methamphetamine cho các bị cáo Trần Thị Cẩm T2 và Vương Hoàng V1 nhiều lần với tổng khối lượng 350 gam Methamphetamine vào ngày 12/12/2024 và ngày 14/12/2024; bán cho đối tượng tên L3 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) 01 lần 2,5gam vào ngày 15/12/2024; kiểm tra thu giữ 3,2039 gam Methamphetamine trên xe ô tô biển số 61K-473.93 và 652,956 gam Methamphetamine tại nơi ở của N và T là nhà không số đường S, phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương do N cất giấu mục đích để bán. Ngoài ra, tại phiên tòa, bị cáo Trần Khôi N còn quanh co đối với hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tuy nhiên, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: bị cáo N cùng với bị cáo Phạm Kim C sử dụng ma túy nhiều lần, lần cuối vào ngày 12/12/2024 tại nhà nghỉ T21, thành phố T, tỉnh Bình Dương, bị cáo N cung cấp ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy là của bị cáo C. Do đó, hành vi của bị cáo Trần Khôi N thực hiện đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025) và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4.2] Đối với bị cáo Mai Đức T: tại phiên tòa không thừa nhận hành vi cùng bị cáo N bán ma túy cho các bị cáo Trần Thị Cẩm T2 và Vương Hoàng V1. Tuy nhiên, căn cứ vào những lời khai của các bị cáo Trần Khôi N, Trần Thị Cẩm T2, Vương Hoàng V1 cùng các chứng cứ khác như sao kê tài khoản Ngân hàng, vật

chứng thu giữ được tại nhà bị cáo thuê, có đủ căn cứ xác định: bị cáo Mai Đức T cùng với bị cáo Trần Khôi N bán trái phép chất ma túy cho nhiều người, trong đó đã bán ma túy, loại Methamphetamine cho các bị cáo Trần Thị Cẩm T2, Vương Hoàng V1 nhiều lần với tổng khối lượng 350 gam; ngày 16/12/2024, khám nơi ở của T và N tại nhà không số đường S, phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương thu giữ 652,956 gam ma túy, loại Methamphetamine được N và T cất giấu, mục đích để bán. Hành vi của bị cáo Mai Đức T thực hiện đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

[4.3] Đối với bị cáo Phạm Kim C: tại phiên tòa, bị cáo còn quanh co không thừa nhận hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tuy nhiên, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: ngày 15/12/2024, bị cáo Phạm Kim C giúp sức cho bị cáo Trần Khôi N bán ma túy, loại Methamphetamine cho L3 01 lần tại ngã ba B, huyện B, tỉnh Bình Dương. Ngoài ra, C cùng với N sử dụng ma túy nhiều lần, lần cuối vào ngày 12/12/2024 tại nhà nghỉ T21, thành phố T, tỉnh Bình Dương, ma túy N cung cấp, dụng cụ sử dụng ma túy là của C. Do đó, hành vi của bị cáo Phạm Kim C thực hiện đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 và điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

[4.4] Đối với các bị cáo Vương Hoàng V1 và Trần Thị Cẩm T2: V1, T2 và có sự giúp sức của bị cáo Phùng Xuân C1 đã bán ma túy cho nhiều người, trong đó bán cho bị cáo Nguyễn Thị Kim N2 nhiều lần, khám xét nơi ở của N2 thu giữ 2,109 gam ma túy loại Methamphetamine, nguồn gốc mua của T2; khám xe ô tô 61K-019.80 do V1, T2 sử dụng phát hiện thu giữ 12,7408 gam ma túy loại Methamphetamine; khám xét nhà không số, ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương thu giữ 102,7944 gam ma túy loại Methamphetamine dùng vào mục đích bán. Ngoài ra, các bị cáo V1 và T2 cùng nhau sử dụng ma túy nhiều lần tại nơi ở và cho bị cáo Phùng Xuân C1 sử dụng ma túy để trả công việc phụ giúp giao bán ma túy; ma túy, dụng cụ sử dụng là của T2 và V1. Do đó, hành vi của các bị cáo Trần Thị Cẩm T2 và Vương Hoàng V1 thực hiện đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025) và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4.5] Bị cáo Nguyễn Thị Kim N2: bán ma túy loại Methamphetamine cho Hoàng Văn T11 01 lần với giá 200.000 đồng và nhiều lần bán ma túy cho các đối tượng khác để thu lợi bất chính. Ngày 26/3/2024, khám xét thu giữ tại nơi ở của bị cáo 2,109 gam Methamphetamine mục đích để bán. Nguồn ma túy bị cáo N2 mua của bị cáo Trần Thị Cẩm T2. Ngoài ra, ngày 25/3/2024, bị cáo N2 cung cấp ma túy, địa điểm là nơi ở của mình cho Trương Hữu P1, Hoàng Văn T11 và H5 (không rõ lai lịch) sử dụng trái phép chất ma túy cùng N2. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Kim N2 thực hiện đã đủ các yếu tố cấu thành các tội “Mua bán trái

phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4.6] Bị cáo Phùng Xuân C1, phụ giúp các bị cáo V1, T2 giao ma túy cho người mua nhiều lần, được V1, T2 trả công và cung cấp ma túy sử dụng. Do đó, hành vi của bị cáo Phùng Văn C2 đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4.7] Đối với các bị cáo Lê D1 và Trần Đăng K do bán ma túy cho V1 và T2 02 lần với tổng khối lượng là 200 gam Methamphetamine vào các ngày 13/12/2024 và ngày 15/12/2024; khám xét nơi ở thu giữ 13,3937 gam MDMA và 1,0870 gam Ketamine dùng vào mục đích bán. Do đó, hành vi của các bị cáo Lê D1 và Trần Đăng K thực hiện đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Trần Khôi N, Phạm Kim C, Mai Đức T, Trần Đăng K, Lê D1, Trần Thị Cẩm T2, Vương Hoàng V1, Phùng Xuân C1 và Nguyễn Thị Kim N2 với tội danh, điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Khôi N, Mai Đức T, Trần Đăng K, Lê D1, Trần Thị Cẩm T2, Vương Hoàng V1 là đặc biệt nghiêm trọng; hành vi của các bị cáo Phạm Kim C, Phùng Xuân C1 và Nguyễn Thị Kim N2 là rất nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và sẽ bị nghiêm trị nhưng vì động cơ tư lợi, thỏa mãn nhu cầu sử dụng chất ma túy nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Hiện nay, tình hình tội phạm về ma túy trên địa tại Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và cả nước nói chung đang diễn biến rất phức tạp với nhiều thủ đoạn tinh vi. Ma túy không chỉ mang đến những tác hại to lớn đối với cá nhân người sử dụng, mà còn dẫn đến những hệ lụy nguy hiểm đối với toàn xã hội, là nguyên nhân của nhiều loại tội phạm khác. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với vai trò, tính chất, mức độ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện nhằm có tác dụng giáo dục, trừng trị đối với từng bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm giản đơn. Do đó, khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo để xử phạt các bị cáo mức hình phạt phù hợp.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo Trần Khôi N, Trần Đăng K, Lê D1, Trần Thị Cẩm T2, Vương Hoàng V1 và Mai Đức T phạm tội thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Trần Khôi N và Mai Đức T phạm tội thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Trần Đăng K, Vương Hoàng V1 đã nhiều lần bị Tòa án xét xử về các loại tội phạm khác nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Trần Khôi N, Phạm Kim C, Trần Đăng K, Lê D1, Trần Thị Cẩm T2, Vương Hoàng V1, Phùng Xuân C1 và Nguyễn Thị Kim N2 có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[8] Về xử lý vật chứng:

[8.1] Cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, gồm:

- Số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) theo Giấy nộp tiền vào tài khoản của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Thành phố H;

- 01 (Một) Điện thoại di động màu xanh đen, hiệu S3; imei1: 354035904974514, gắn sim số 0985854228 được niêm phong trong bì thư có chữ ký, họ tên của Thái Minh S1, Phạm Thanh U và dấu tròn đỏ của Phòng K6 Công an tỉnh B (Ký hiệu A1);

- 01 (Một) Điện thoại di động màu xanh đen, hiệu S3 Galaxy M15 5G; imei1: 351637481237398, gắn sim số 0976246449 được niêm phong trong bì thư có chữ ký, họ tên của Thái Minh S1, Phạm Thanh U và dấu tròn đỏ của Phòng K6 Công an tỉnh B (Ký hiệu A2);

- 01 (Một) Điện thoại di động Iphone 15 Promax màu trắng, số IMEI: 356388818283854, bên trong có gắn 01 sim được niêm phong trong bì thư có chữ ký, họ tên của Thái Minh S1, Phạm Thanh U và dấu tròn đỏ của Phòng K6 Công an tỉnh B (Ký hiệu A4);

- 01 (Một) Điện thoại di động HONOR X9b 5G màu cam, số IMEI: 869627078168218, bên trong có gắn 01 sim được niêm phong trong bì thư có chữ ký, họ tên của Thái Minh S1, Phạm Thanh U và dấu tròn đỏ của Phòng K6 Công an tỉnh B (Ký hiệu A5);

- 01 (Một) Điện thoại di động Samsung A73 5G màu xanh, số IMEI: 352828897995282, bên trong có gắn 01 sim được niêm phong trong bì thư có chữ ký, họ tên của Thái Minh S1, Phạm Thanh U và dấu tròn đỏ của Phòng K6 Công an tỉnh B (Ký hiệu A6);

- 01 (Một) Điện thoại di động Iphone 14 Pro màu trắng, số IMEI: 358790730431487, bên trong có gắn 01 sim được niêm phong trong bì thư có chữ ký, họ tên của Thái Minh S1, Phạm Thanh U và dấu tròn đỏ của Phòng K6 Công an tỉnh B (Ký hiệu A3);

- 01 (Một) Điện thoại di động màu đen, hiệu S3 (không kiểm tra tình trạng bên trong) được niêm phong trong bì thư có chữ ký, họ tên của Đoàn Quyết T16, Phạm Thanh U và dấu tròn đỏ của Phòng K6 Công an tỉnh B.

- 01 (Một) Máy tính bảng màu đen, hiệu S3; imei: 351506554333550, gắn sim số 0983319510.

[8.2] Cần tịch thu tiêu hủy ma túy và công cụ sử dụng trái phép chất ma túy, gồm:

- 01 (Một) Bì thư niêm phong ghi số 23/PC09, giấy niêm phong có chữ ký của Phạm Kim C, Trần Khôi N (người chứng kiến); Đoàn Nguyễn Thiện Q1 (cán bộ trả mẫu), Phan Công L4 (cán bộ nhận mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K6 Công an tỉnh B. Bên trong chứa chất ma túy còn lại sau giám định.

- 01 (Một) Thùng giấy được niêm phong ghi số 24/PC09 M1, giấy niêm phong có chữ ký của Trần Khôi N (người chứng kiến); Đoàn Nguyễn Thiện Q1 (cán bộ trả mẫu), Phan Công L4 (cán bộ nhận mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K6 Công an tỉnh B. Bên trong chứa chất ma túy còn lại sau giám định.

- 02 (Hai) Bì thư niêm phong ghi số 24/PC09 M2, 24/PC09 M3, niêm phong chung bằng giấy niêm phong có chữ ký của Trần Khôi N (người chứng kiến); Đoàn Nguyễn Thiện Q1 (cán bộ trả mẫu), Phan Công L4 (cán bộ nhận mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K6 Công an tỉnh B. Bên trong chứa chất ma túy còn lại sau giám định.

- 03 (Ba) Bì thư niêm phong ghi số 25M1/PC09, 25M2/PC09, 25M3/PC09 niêm phong chung bằng giấy niêm phong có chữ ký của Trần Thị Cẩm T2 (người chứng kiến); Nhan Thái H6 (cán bộ trả mẫu), Phan Công L4 (cán bộ nhận mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K6 Công an tỉnh B. Bên trong chứa chất ma túy còn lại sau giám định.

- 01 (Một) Gói niêm phong ghi số 370/PC09 M1, giấy niêm phong có chữ ký của Đoàn Nguyễn Thiện Q1 (cán bộ trả mẫu), Nguyễn Đăng T17 (cán bộ nhận mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K6 Công an tỉnh B. Bên trong chứa chất ma túy còn lại sau giám định.

- 01 (Một) Gói niêm phong ghi số 370/PC09 M2, giấy niêm phong có chữ ký của Đoàn Nguyễn Thiện Q1 (cán bộ trả mẫu), Nguyễn Đăng T17 (cán bộ nhận mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K6 Công an tỉnh B. Bên trong chứa chất ma túy còn lại sau giám định.

- 04 (Bốn) bộ D2 sử dụng ma túy;

- 01 (Một) nồi cơm điện hiệu hommy;

- 44 (Bốn mươi bốn) ống thủy tinh thẳng, dài khoảng 20cm, đường kính ống khoảng 0,5cm;
- 01 (Một) cân điện tử màu trắng, đen không rõ nhãn hiệu;
- 20 (Hai mươi) túi nylon miệng kéo dính bên trong không chứa gì;
- 01 (Một) hộp màu đen, dạng vali, có ghi chữ OKAY.II;
- 01 (Một) hộp bằng sắt màu hồng ghi chữ hello Kitty;
- 02 (Hai) kéo bằng kim loại;
- 02 (Hai) hộp quẹt ga;
- 01 (Một) balo màu đen ghi chữ Honda;
- 01 (Một) hộp phấn trang điểm màu bạc không có nhãn hiệu;
- 01 (Một) cân tiểu ly màu đen;
- 01 (Một) giỏ đựng có quai xách bằng giấy;
- 01 (Một) bóp bằng vải màu xanh dương.
- 01 (Một) Kéo bằng kim loại.
- 01 (Một) Ống nhựa hình trụ dài khoảng 20cm, được vát nhọn một đầu.
- 20 (Hai mươi) túi nylon miệng kéo dính bên trong không chứa gì.

[8.3] Cần trả lại cho bị cáo Phạm Kim C:

- 01 (Một) Giấy chứng chỉ đào tạo tên Phạm Kim C số 985860 (bản chính);
- 01 (Một) Sổ Bảo hiểm xã hội tên Phạm Kim C số 7412133810.

[9] Đối với 01 xe ô tô màu trắng, hiệu Xpander, biển số 61K-473.93 các bị cáo Trần Khôi N và Phạm Kim C sử dụng trên xe có chứa ma túy: qua điều tra xác định xe này của bà Trần Thị Thùy T12 đứng tên chủ sở hữu, bà T12 cho bị cáo Trần Khôi N thuê để sử dụng, bà T12 không biết bị cáo sử dụng để đi giao ma túy nên cơ quan điều tra đã trả lại cho bà T12 là có cơ sở.

[10] Đối với 01 xe ô tô, hiệu Honda City, màu trắng, biển số 61K-019.80 do các bị cáo Trần Thị Cẩm T2 và Vương Hoàng V1 sử dụng trên xe có chứa ma túy: qua điều tra xác định xe này do ông Trần Minh T13 đứng tên chủ sở hữu, ông T13 giao cho Công ty TNHH T19 để cho thuê Vương Hoàng V1 thuê để sử dụng và không biết bị cáo sử dụng để đi giao ma túy nên cơ quan điều tra đã trả lại cho ông T13 là đúng quy định.

[11] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt từ đối với các bị cáo là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với đề nghị phạt tiền bổ sung các bị cáo, xét thấy: các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có điều kiện để thực hiện hình phạt tiền nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[12] Người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là phù hợp nên chấp nhận. Đối với đề nghị trả hồ sơ để điều tra bổ sung của người bào chữa cho bị cáo T là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[13] Về án phí sơ thẩm: các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Về tội danh, áp dụng điều luật và hình phạt:

1.1 Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 2 Điều 52; Điều 58; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025),

Xử phạt bị cáo Trần Khôi N 20 (hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; 08 (tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 28 (hai mươi tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15 tháng 12 năm 2024.

1.2 Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm g, h khoản 2 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025),

Xử phạt bị cáo Mai Đức T 20 (hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17 tháng 01 năm 2026.

1.3 Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025),

Xử phạt bị cáo Trần Thị Cẩm T2 20 (hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 27 (hai mươi bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16 tháng 12 năm 2024.

Xử phạt bị cáo Vương Hoàng V1 20 (hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung

là 27 (hai mươi bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/12/2024.

1.4 Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025),

Xử phạt bị cáo Lê D1 20 (hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/01/2025.

Xử phạt bị cáo Trần Đăng K 20 (hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/02/2026.

1.5 Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Phạm Kim C 02 (hai) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/12/2024.

1.6 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim N2 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/3/2024

1.7 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Phùng Xuân C1 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/12/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

2.1 Tịch thu sung ngân sách Nhà nước công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, gồm:

- Số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) theo Giấy nộp tiền vào tài khoản của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Thành phố H;

- 01 (Một) Điện thoại di động màu xanh đen, hiệu S3; imei1: 354035904974514, gắn sim số 0985854228 được niêm phong trong bì thư có chữ ký, họ tên của Thái Minh S1, Phạm Thanh U và dấu tròn đỏ của Phòng K6 Công an tỉnh B (Ký hiệu A1);

- 01 (Một) Điện thoại di động màu xanh đen, hiệu S3 Galaxy M15 5G; imei: 351637481237398, gắn sim số 0976246449 được niêm phong trong bì thư có chữ ký, họ tên của Thái Minh S1, Phạm Thanh U và dấu tròn đỏ của Phòng K6 Công an tỉnh B (Ký hiệu A2);

- 01 (Một) Điện thoại di động Iphone 15 Promax màu trắng, số IMEI: 356388818283854, bên trong có gắn 01 sim được niêm phong trong bì thư có chữ ký, họ tên của Thái Minh S1, Phạm Thanh U và dấu tròn đỏ của Phòng K6 Công an tỉnh B (Ký hiệu A4);

- 01 (Một) Điện thoại di động HONOR X9b 5G màu cam, số IMEI: 869627078168218, bên trong có gắn 01 sim được niêm phong trong bì thư có chữ ký, họ tên của Thái Minh S1, Phạm Thanh U và dấu tròn đỏ của Phòng K6 Công an tỉnh B (Ký hiệu A5);

- 01 (Một) Điện thoại di động Samsung A73 5G màu xanh, số IMEI: 352828897995282, bên trong có gắn 01 sim được niêm phong trong bì thư có chữ ký, họ tên của Thái Minh S1, Phạm Thanh U và dấu tròn đỏ của Phòng K6 Công an tỉnh B (Ký hiệu A6);

- 01 (Một) Điện thoại di động Iphone 14 Pro màu trắng, số IMEI: 358790730431487, bên trong có gắn 01 sim được niêm phong trong bì thư có chữ ký, họ tên của Thái Minh S1, Phạm Thanh U và dấu tròn đỏ của Phòng K6 Công an tỉnh B (Ký hiệu A3);

- 01 (Một) Điện thoại di động màu đen, hiệu S3 (không kiểm tra tình trạng bên trong) được niêm phong trong bì thư có chữ ký, họ tên của Đoàn Quyết T16, Phạm Thanh U và dấu tròn đỏ của Phòng K6 Công an tỉnh B

- 01 (Một) Máy tính bảng màu đen, hiệu S3; imei: 351506554333550, gắn sim số 0983319510;

2.2 Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (Một) Bì thư niêm phong ghi số 23/PC09, giấy niêm phong có chữ ký của Phạm Kim C, Trần Khôi N (người chứng kiến); Đoàn Nguyễn Thiện Q1 (cán bộ trả mẫu), Phan Công L4 (cán bộ nhận mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K6 Công an tỉnh B. Bên trong chứa chất ma túy còn lại sau giám định.

- 01 (Một) Thùng giấy được niêm phong ghi số 24/PC09 M1, giấy niêm phong có chữ ký của Trần Khôi N (người chứng kiến); Đoàn Nguyễn Thiện Q1 (cán bộ trả mẫu), Phan Công L4 (cán bộ nhận mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K6 Công an tỉnh B. Bên trong chứa chất ma túy còn lại sau giám định.

- 02 (Hai) Bì thư niêm phong ghi số 24/PC09 M2, 24/PC09 M3, niêm phong chung bằng giấy niêm phong có chữ ký của Trần Khôi N (người chứng kiến); Đoàn Nguyễn Thiện Q1 (cán bộ trả mẫu), Phan Công L4 (cán bộ nhận mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K6 Công an tỉnh B. Bên trong chứa chất ma túy còn lại sau giám định.

- 03 (Ba) Bì thư niêm phong ghi số 25M1/PC09, 25M2/PC09, 25M3/PC09 niêm phong chung bằng giấy niêm phong có chữ ký của Trần Thị Cẩm T2 (người chứng kiến); Nhan Thái H6 (cán bộ trả mẫu), Phan Công L4 (cán bộ nhận mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K6 Công an tỉnh B. Bên trong chứa chất ma túy còn lại sau giám định.

- 01 (Một) Gói niêm phong ghi số 370/PC09 M1, giấy niêm phong có chữ ký của Đoàn Nguyễn Thiện Q1 (cán bộ trả mẫu), Nguyễn Đăng T17 (cán bộ nhận mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K6 Công an tỉnh B. Bên trong chứa chất ma túy còn lại sau giám định.

- 01 (Một) Gói niêm phong ghi số 370/PC09 M2, giấy niêm phong có chữ ký của Đoàn Nguyễn Thiện Q1 (cán bộ trả mẫu), Nguyễn Đăng T17 (cán bộ nhận mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K6 Công an tỉnh B. Bên trong chứa chất ma túy còn lại sau giám định

- 04 (Bốn) bộ D2 sử dụng ma túy;

- 01 (Một) nồi cơm điện hiệu hommy;

- 44 (Bốn mươi bốn) ống thủy tinh thẳng, dài khoảng 20cm, đường kính ống khoảng 0,5cm;

- 01 (Một) cân điện tử màu trắng, đen không rõ nhãn hiệu;

- 20 (Hai mươi) túi nylon miệng kéo dính bên trong không chứa gì;

- 01 (Một) hộp màu đen, dạng vali, có ghi chữ OKAY.II;

- 01 (Một) hộp bằng sắt màu hồng ghi chữ hello Kitty;

- 02 (Hai) kéo bằng kim loại;

- 02 (Hai) hộp quẹt ga;

- 01 (Một) balo màu đen ghi chữ Honda;

- 01 (Một) hộp phấn trang điểm màu bạc không có nhãn hiệu;

- 01 (Một) cân tiểu ly màu đen;

- 01 (Một) giỏ đựng có quai xách bằng giấy;

- 01 (Một) bóp bằng vải màu xanh dương.

- 01 (Một) Kéo bằng kim loại.

- 01 (Một) Ống nhựa hình trụ dài khoảng 20cm, được vát nhọn một đầu.

- 20 (Hai mươi) túi nylon miệng kéo dính bên trong không chứa gì

2.3 Trả lại cho bị cáo Phạm Kim C:

- 01 (Một) Giấy chứng chỉ đào tạo tên Phạm Kim C số 985860 (bản chính);

- 01 (Một) Sổ Bảo hiểm xã hội tên Phạm Kim C số 7412133810

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Các bị cáo Trần Khôi N, Phạm Kim C, Mai Đức T, Trần Đăng K, Lê D1, Trần Thị Cẩm T2, Vương Hoàng V1, Phùng Xuân C1 và Nguyễn Thị Kim N2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (vụ GĐKT 1);
- Viện Công tố và KSXX phúc thẩm tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Trại tạm giam Số 2 - Công an TP.HCM;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.HCM;
- Phòng PV06 - Công an TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VT. 50 (54).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Huỳnh Đức

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Lâm

Nguyễn Huỳnh Đức

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nguyễn Thanh Đ2

Trần Hữu Phước Thái Kiên T18

